

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0297.3854236

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Thời gian: 13 giờ 30 phút ngày 28/05/2019

Địa điểm: Trụ sở chính công ty - Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

T.T	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	13h00-13h30	Đón đại biểu, cổ đông: phát tài liệu, phiếu biểu quyết Lập danh sách cổ đông có mặt
2	13h30-13h50	Tuyên bố lý do Giới thiệu : - Đoàn Chủ tịch - Ban thư ký - Ban kiểm phiếu Báo cáo tình hình cổ đông dự đại hội Thông qua quy chế làm việc tại Đại hội Thông qua chương trình làm việc của đại hội
3	13h50-14h20	Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2019
4	14h20-14h30	Báo cáo thực hiện đầu tư năm 2018 và kế hoạch đầu tư năm 2019
5	14h30-14h40	Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018
6	14h40-14h50	Báo cáo của HĐQT năm 2018
7	14h50-15h00	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018
8	15h00-15h05	Báo cáo Tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2018, phê duyệt mức tiền lương, thù lao năm 2019
9	15h05-15h10	Chọn Công ty Kiểm toán để kiểm toán BCTC 2019
10	15h10-15h40	Bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019- 2021
11	15h40-15h50	Đại hội nghỉ giải lao
12	15h50-16h00	Công bố kết quả bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2021
13	16h00-16h15	HĐQT, BKS họp phiên thứ nhất (bầu chủ tịch HĐQT, bầu Trưởng BKS)

14	16h15-16h20	HDQT, BKS, ra mắt đại hội
15	16h20-16h45	Thảo luận – giải đáp ý kiến của cổ đông Biểu quyết thông qua các vấn đề thảo luận tại đại hội
16	16h45-16h55	Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội
17	16h55-17h00	Bế mạc



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

KP Kênh tám thước – TT Kiên Lương – H.Kiên Lương – T.Kiên Giang

TEL : 02973.856947 – FAX : 02973.853804

Email: hakipack@hakupack.com.vn – hakipack.kg@gmail.com

Số : .02. /BC-BBHT

Kiên Lương, ngày 06 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

(Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2019)

I. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018:

1.Đặc điểm tình hình :

- Giá PP dao động ở mức chấp nhận được, giá PP bình quân năm thấp hơn giá dự kiến kế hoạch năm.
- Các chi phí đầu vào như: Tiền lương, bảo hiểm các loại, phí môi trường, phí duy trì ISO-FSSC, phí logistics, phí PCCC, tỷ giá lãi vay ngoại tệ, lãi vay VNĐ và tiền điện theo xu hướng năm sau tăng cao hơn năm trước.
- Siêu cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng dữ dội, khả năng tiết kiệm giảm chi phí sản xuất không theo kịp mức độ giảm giá bán nên hiệu quả SXKD suy giảm mạnh.
- Bộ thương mại Hoa Kỳ DOC đang điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng bao BOPP và bao PP từ Việt Nam.

2.Tình hình hoạt động SXKD

2.1-Đánh giá chung

***Thuận lợi:**

- Khách hàng truyền thống gắn bó với công ty, thương hiệu Hakipack tiếp tục được củng cố giúp công ty có nhiều thông tin để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả hơn.
- Khả năng phân tích thông tin, đánh giá, dự báo và điều phối sản xuất về nguyên vật liệu, tỷ trọng sản phẩm của Ban Giám đốc công ty khá tốt đã hạn chế rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo kế hoạch sản xuất
- Hoạt động mua nguyên liệu PP trên nền tảng thông tin được cập nhật kịp thời nên giá nhập mua rất hợp lý làm cho chi phí nguyên liệu giảm thấp hơn giá kế hoạch 2018.
- Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao ở mức khoảng 64% tổng doanh thu nên nguồn ngoại tệ trong năm dồi dào, đảm bảo nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu.
- Hoạt động tái cấu trúc toàn diện đang từng bước thực hiện, năng lực cạnh tranh của công ty đang dần cải thiện

***Khó khăn:**

- Chi phí sử dụng máy móc & thiết bị tăng do: chi phí bảo dưỡng tăng, tỷ lệ phế liệu lớn, suất tiêu hao vật liệu nhiên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm cao,
- Hiệu suất sử dụng lao động và sử dụng thiết bị thấp do tổn thất khi dừng máy và tốc độ thiết bị thấp .
- Năng suất đạt được không cao, tỷ lệ phế liệu lớn, giá điện tăng cùng với bất lợi về vị trí địa lý nên phát sinh chi phí vận chuyển
- Thiếu cán bộ kỹ thuật sản xuất lành nghề, cơ cấu lao động của công ty chưa hợp lý vừa thiếu vừa thừa, khó tuyển dụng lao động. Việc chuẩn hóa khung bậc thợ chậm, năng suất lao động tính theo công tăng chậm, hiệu suất làm việc của người lao động chưa cao.
- Hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm của công ty chưa thật sự hiệu quả.

2.2-Kết quả thực hiện định hướng phát triển 2018 :

- Tỷ trọng bao lớn chiếm 80,34% sản lượng quy đổi đạt yêu cầu theo định hướng đã đề ra. Trong đó tỷ trọng bao lớn xuất khẩu chiếm 52,79%, tỷ trọng bao lớn nội địa chiếm 27,54%. Tỷ trọng bao nhỏ chiếm 13,61% thấp hơn 6,39% so với định hướng do hiệu quả kinh doanh trong năm của bao nhỏ không tốt nên công ty đã chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

- Sản lượng đầu người năm 2018: 101.096 sản phẩm/người so với năm 2017 tăng 1,18%. Nguyên nhân chủ yếu do công nhân có tay nghề giỏi nghỉ nhiều ở 2 phân xưởng (nghỉ việc 42 người, tuyển mới 23 người), nhưng số lượng người mới chưa đáp ứng được yêu cầu của công ty.

- Giá thành giảm 7,9% trên cơ sở quản lý tốt chi phí nguyên liệu đầu vào, chi phí tài chính và chi phí quản lý... tuy nhiên do chi phí tiền điện và chi phí sản xuất chung tăng so với kế hoạch nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty

- Việc duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015 trong toàn công ty hiệu quả chưa cao. Do rác thải sinh hoạt rơi vãi xung quanh khu vực sản xuất còn nhiều, phế phẩm của từng công đoạn sản xuất chưa kiểm soát chặt, chưa được phân loại và còn để ngoài trời, tại vị trí sản xuất các thiết bị không vệ sinh thường xuyên, nguyên liệu rơi xuống nền xưởng và các loại vải bán thành phẩm, thành phẩm kiểm soát độ sạch chưa tốt.

- Việc thực hiện chuẩn hóa khung bậc thợ từ công nhân vận hành cho đến quản đốc phân xưởng triển khai chậm nên chất lượng lao động và cơ cấu lao động chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn

- Việc kiểm soát, tiết kiệm chi phí trong sản xuất

+ Điện: Chi phí tiền điện vượt 3,6% so với kế hoạch, nguyên nhân: Do giá điện năm 2018 cao hơn giá điện năm 2017 sản lượng sản xuất thấp trong khi đó các thiết bị phải vận hành liên tục để hỗ trợ cho sản xuất.

+ Nước: Chi phí tiền nước giảm 23% so với với mục tiêu 2018 đề ra

+ Kiểm soát và thực hiện các định mức tiêu hao nguyên vật liệu không đạt so với mục tiêu 2018 đề ra do: Chưa kiểm soát được dao động De của chỉ sợi, bố trí chỉ sợi dọc vượt mức theo quy chuẩn của công ty, các loại vải Dệt bao nông sản còn dao động, vòng Dệt lớn hơn so với khổ vải và các lỗi dệt bao nông sản, bao bigbag, phụ kiện tăng làm cho định mức tiêu hao nguyên vật liệu của tổng đơn hàng sản xuất tăng.

+ Giá trị thu hồi phế liệu, phế phẩm tăng 10% so với giá trị thu hồi phế liệu, phế phẩm năm 2017: Đạt so với mục tiêu 2018 đề ra

- Hầu hết các thiết bị trong nhà xưởng đều được duy tu bảo dưỡng chỉ riêng cụm máy dệt chỉ bảo trì được 66% theo kế hoạch.

- Trong năm cụm tạo sợi chỉ thực hiện đạt 93,26% theo kế hoạch, nguyên nhân do: sự cố thiết bị, chạy mẫu thử nghiệm và ngừng máy thay đổi chỉ (03 máy tạo sợi thực hiện thay đổi chỉ 667 lần)

- Các biện pháp thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm trong năm không hiệu quả, còn nhiều sai sót, vấn đề lỗi kiểm soát vẫn lặp đi lặp lại.

- Thực hiện quy hoạch đào tạo nhân lực đạt theo yêu cầu định hướng đề ra. Trong năm công ty đã thực hiện quy hoạch đội ngũ kế thừa gồm: 1 Phó giám đốc, 1 quản đốc và 02 phó quản đốc.

- Hoạt động ghi chép, thu thập, báo cáo, truyền đạt thông tin mệnh lệnh sản xuất... có nhiều thay đổi trên cơ sở: Rà soát xây dựng lại các quy trình, tận dụng sự phát triển của Internet... đảm bảo thông tin được truyền tải kịp thời, hiệu quả, không chồng chéo và tiết kiệm chi phí.

- Khảo sát các phương án thuê văn phòng làm việc và thủ tục thành lập văn phòng đại diện của công ty tuy nhiên do nhiều yếu tố khách quan nên việc mở văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh trong năm chưa thực hiện được

2.3-Kết quả hoạt động SXKD:

Năm 2018 là một năm đầy khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đó là lượng đơn hàng giảm dần về cuối năm, nên sản xuất có chiều hướng giảm so với cùng kỳ. Trong khi đó, chi phí đầu vào tăng cao như: giá nguyên vật liệu, năng lượng, tiền lương công nhân,... nhưng giá bán sản phẩm không tăng, thậm chí có những mặt hàng phải giảm giá. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất bao bì trong nước và hàng nước ngoài ngày càng gay gắt. Công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ

tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra để đảm bảo việc làm đời sống cho CBCNVLĐ, vừa phải đề ra những biện pháp nhằm ổn định nguồn nhân lực, tái cơ cấu lao động, nâng cao năng suất lao động.

Với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, bằng sự quản lý và chỉ đạo đúng hướng của HĐQT, sự điều hành nhạy bén, năng động và quyết đoán của Ban giám đốc, cùng sự thống nhất, nỗ lực, quyết tâm vì mục tiêu chung của toàn thể CBCNVLĐ, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	(%) so KH 2018
1	Sản lượng quy đổi	Cái	32.462.000	32.249.028	99,34
2	Tổng doanh thu	Đồng	135.744.504.733	123.469.122.319	91
3	Kim ngạch xuất khẩu	USD	2.500.000	3.392.193	135,7
4	EBITDA	Đồng	10.573.206.422	8.560.791.428	81
5	Chi phí tài chính	“	2.601.274.067	2.638.804.547	101,4
6	Chi phí khấu hao	“	4.688.896.367	4.490.773.142	95,8
7	Lợi nhuận trước thuế	“	3.383.888.889	1.823.857.092	53,9
8	Lợi nhuận sau thuế	“	3.000.000.000	1.738.787.574	58
9	EBITDA/ Doanh thu thuần	%	7,8	6,9	89
10	Tỷ lệ cổ tức	%	6	3,48	58

2.4- Tình hình đầu tư tài chính

STT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư (Đồng)	Cổ tức năm 2017(Đồng)
1	Công ty CP XM Hà Tiên Kiên Giang	1.400.000.000	630.000.000
2	Công ty CP xi măng Hà Tiên	1.005.200.000	502.600.000
3	Công ty CP xi măng Kiên Giang	1.200.000.000	588.000.000
Tổng cộng		3.605.200.000	1.720.600.000

2.5- Sản lượng sản xuất tiêu thụ: Sản lượng sản xuất & tiêu thụ qui đổi đạt 99,34% kế hoạch 2018 và bằng 96,09% so với năm 2017, trong đó:

- Big bag nội địa chỉ đạt 74,83% kế hoạch 2018 và bằng 82,99% so với 2017 do trong năm công ty không trúng thầu cung cấp bạt cầu cho Nhà máy xi măng Kiên Lương
- Big bag xuất khẩu đạt 122,49% kế hoạch 2018 và bằng 119,51% so với 2017
- Bao phụ kiện đạt 102,88% kế hoạch 2018 và bằng 100,56% so với 2017
- Bao nông sản đạt 99,11% kế hoạch 2018 và bằng 139,78% so với 2017

2.6- Tình hình đầu tư quản lý sử dụng thiết bị:

- Duy trì tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, nhà xưởng đảm bảo nhà xưởng và thiết bị luôn trong tình trạng tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

- Lắp bộ hút khói tại 3 máy tạo sợi, thực hiện lợp mái một phần phân xưởng 1, lắp quạt thông gió khu tạo sợi và hoàn tất việc lắp đặt máy xếp sợi

3. Cơ cấu tổ chức chính sách và quản trị

3.1- Công tác thị trường:

- Tiếp và làm việc với khách hàng Mỹ - Công ty Procon Pacific, khách hàng Vinamilk
- Tăng cường hoạt động bán hàng, tìm kiếm mở rộng thêm thị trường bao big bag.

Mặc dù trong năm công ty đã liên hệ được nhiều khách hàng lớn tuy nhiên giá bán chưa đáp ứng yêu cầu khách hàng nên không nhận được đơn hàng

- Thương lượng ký kết hợp đồng tiêu thụ 2018 và cho kế hoạch tiêu thụ trong năm 2019 với các khách hàng truyền thống

- Nghiên cứu điều chỉnh phối liệu, thiết bị sản xuất để các đơn hàng bao PP sản xuất trong tháng đáp ứng yêu cầu chất lượng của khách hàng.

- Nắm vững tình hình thị trường, phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban phân xưởng trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất tiêu thụ.

- Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 đã chọn công ty là đơn vị cung cấp vỏ bao Jumbo và bạt cầu năm 2019

3.2- Công tác nhân sự đào tạo tuyển dụng và quản trị:

- Tổng số lao động trong năm 2017: 325 người giảm 19 người so với năm 2017. Trong năm thực hiện đào tạo 14 thợ may cho PX3.

- Thực hiện quy hoạch cán bộ bổ điều động 1 Phó quản đốc về nhận nhiệm vụ Phó phòng Kỹ thuật KCS nhằm tăng cường công tác quản lý sản xuất tại công ty

3.3-Công tác vật tư:

Tên vật tư	ĐVT	Nhập năm 2018	Tồn 31/12/2018
1- Hạt PP tạo sợi	Kg	1.740.940	107.510
2- Hạt PP Tráng	Kg	215.000	11.833
3- Giấy Kraft	Kg	34.918	34.336
4- Hạt phụ gia: + 201 tạo sợi	Kg	225.000	6.650
+ Tráng màng	“	51.975	5.875
+ UV	“	30.600	
5- Mực in các loại	Kg	5.092	3.484
6- Dung môi	Kg	6.377	712

3.4- Công tác ISO và KCS

- Quy trình sản xuất được duy trì thực hiện, tuy nhiên tỉ lệ phế liệu phế phẩm trong từng công đoạn sản xuất vẫn ở mức cao hơn mục tiêu chất lượng đề ra đầu năm

- Tiếp và làm việc với đoàn đánh giá định kỳ các hệ thống: FSSC22000 - ISO 9001 và 14001 và thực hiện khắc phục các điểm chưa phù hợp cùng các kiến nghị hợp lý của SGS và TUV

- Các phòng ban phân xưởng đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu ISO 14001 – 9001 và FSSC22000 năm 2018 của công ty và xây dựng mục tiêu chất lượng 2019.

- Phối hợp Trường Kinh tế kỹ thuật Kiên Giang, mở lớp huấn luyện lại 03 hệ thống quản lý: ISO9001 - 14001, FSSC22000 cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty

- Hoàn thiện và ban hành phiếu kiểm soát chất lượng sản phẩm của từng cụm máy

- Phối hợp Công an T.P Hà Tiên diễn tập PCCC

- Thực hiện hợp đồng quan trắc môi trường, thực hiện báo cáo cho Sở Tài nguyên Môi trường về Chủ nguồn rác thải và quản lý rác thải nguy hại.

- Triển khai tiêu chí đánh giá 5S toàn công ty, ký hợp đồng test vi sinh với trung tâm y tế dự phòng Kiên Giang và thực hiện đo đạc để báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Tuyên truyền An Ninh Quốc phòng và huấn luyện PCCC cho CBCNV trong công ty

3.5-Công tác khác:

- Tổ chức Đại hội cổ đông và đại hội cổ đông bất thường năm 2018.

- Tổ chức hội nghị đại biểu người lao động năm 2018.

- Tổ chức thực hiện kiểm kê tài sản công ty thời điểm cuối năm

- Các phòng ban, phân xưởng hoàn chỉnh kế hoạch ngân sách năm 2019.

- Tổ chức cho CB-CNLĐ đi tham quan nghỉ mát ở Đà Lạt, Phú Quốc

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho CB - CNLĐ làm

việc tại các vị trí có yếu tố độc hại.

- Tham gia bảo hiểm tai nạn và sinh mạng năm 2018 cho CB-CNLĐ
- Xem xét điều chỉnh hệ số lương chức vụ, công việc cho 65 CB-CNV trong công ty
- Thực hiện kỷ yếu và tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm thành lập công ty
- Phối hợp cùng Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Kiên Giang hoàn thiện giáo trình để thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý của công ty
- Ban nữ công tổ chức tặng quà cho nữ CB-CNLĐ kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8-3 và Đoàn thanh niên triển khai hoạt động hưởng ứng kỷ niệm ngày thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3.
- Ban chấp hành công đoàn tổ chức phát quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 và khen thưởng cho các em học sinh là con của CB-CNV-LĐ công ty đạt được thành tích học tập tốt
- Công đoàn tuyên truyền cho cán bộ, đoàn viên và CNLĐ kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 -28/7/2018) và Đoàn thanh niên tham dự Lễ kỷ kết "nghĩa tình biên giới, hải đảo" với tiểu đoàn 519 – Thị xã Hà Tiên.

II/ Nhiệm vụ kế hoạch năm 2019:

1. Dự báo tình hình:

- Giá nhựa PP bình quân năm 2019 sẽ ổn định ở mức trung bình 1.210USD/tấn (Hiện giá thị trường là 1.100USD/tấn)
- EVFTA đi vào hiệu lực từ 2019 thuế quan hầu hết các sản phẩm nhựa sẽ được gỡ bỏ
- Thuế nhập khẩu PP của Ấn Độ giảm còn 2% theo nghị định số 159//2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017
- Mức lương tối thiểu vùng đối với lao động được điều chỉnh tăng thêm 5,2% cùng với đó chi phí đầu vào tiếp tục tăng do giá điện, chi phí logistics..tiếp tục tăng trong khi giá bán đầu ra lại tăng thấp hơn mức tăng chi phí
- Vốn vay ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn nên chi phí tài chính phát sinh cao.
- Cạnh tranh trong và ngoài nước tiếp tục tăng cao, thị trường trong nước và xuất khẩu xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh có tiềm lực mạnh, công nghệ hiện đại, áp lực giảm giá bán sản phẩm lớn, yêu cầu chất lượng sản phẩm của khách hàng ngày càng cao.
- Với việc Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm bao và túi đóng hàng được dệt từ polypropylen nên dự kiến sản lượng tiêu thụ bao BOPP vào thị trường Mỹ không còn thời gian tới.

2.Định hướng phát triển 2019:

- Tăng tỷ trọng bảo lớn từ 80% trở lên trong đó xuất khẩu chiếm từ 50% trở lên.
- Sản lượng đầu người tăng từ 7% trở lên so với năm 2018
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc trên cơ sở:
 - + Sắp xếp lại tổ chức, phân xưởng, phòng ban theo hướng tinh gọn. Giảm đầu mối, giảm người nhưng vẫn đạt hiệu quả cao trong công việc.
 - + Đào tạo, đào tạo lại, kèm cặp thực tế lực lượng lao động theo khung bậc thợ của công ty. Đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý tại các bộ phận sản xuất trong công ty.
 - + Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và những kỹ năng cần thiết để nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ quản lý.
 - + Rà soát bổ sung nội dung toàn bộ hợp đồng lao động, nội quy lao động, quy trình sản xuất, quy trình ISO – FSSC phải được tuân thủ đầy đủ và luôn được duy trì thực hiện.
 - + Mở rộng phạm vi và đối tượng khoán lương, khoán chi phí đảm bảo thực hiện tốt năng suất, chất lượng, hiệu quả.
 - + Cải tiến hệ thống ghi chép ban đầu, nâng cao tính chính xác của số liệu thống kê, số liệu báo cáo. Đảm bảo tính kịp thời chính xác các loại báo cáo quản trị trong công ty.
- Đảm bảo thực hiện được 100% mục tiêu chất lượng 2019. Công tác quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng sản phẩm chuyển biến tốt hơn hẳn năm 2018.

- Sử dụng phế liệu, phế phẩm hiệu quả cao hơn năm 2018

3. Sản xuất và tiêu thụ:

Trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình kinh tế và năng lực hiện có, công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	K.H NĂM 2019	KH QUÝ I
I	Sản phẩm qui đổi bao XM	Cái	31.919.430	
1	Bao Big bag	“	805.500	
1.1	Big bag nội địa	“	213.000	50.000
1.2	Vải Bạt cầu	“	112.500	
1.3	Big bag xuất khẩu	“	480.000	
-	Condepol	“	300.000	
-	Barry Corman	“	180.000	
4	Bao phụ kiện	“	800.000	
5	Bao PP	“	2.800.000	
6	Bao BOPP	“	100.000	
7	Vải dệt	kg	35.000	
II	Doanh thu	Tr. Đồng	125.643	
	Trong đó kim ngạch X.K	USD	2.700.000	
III	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	1.570	
IV	Chia cổ tức	%/năm	3,1	

4. Công tác thị trường

- Kiểm tra, nghiên cứu cải tiến phối liệu các loại chỉ sợi nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Hẹn làm việc với Vicem HT1 kết hợp tổ chức xúc tiến thị trường và chăm sóc khách hàng nhân dịp cuối năm.

- Xúc tiến các đơn hàng xuất khẩu, mở rộng thêm thị trường xuất khẩu bao big bag và xúc tiến thêm hợp đồng cung cấp bao PP.

5. Công tác vật tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản:

5.1- Công tác hậu cần, chủ động trong công tác cung ứng:

- Theo dõi sát tình hình giá nguyên vật liệu trong và ngoài nước. Tìm kiếm bổ sung các nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng ổn định, giá cả hợp lý để phục vụ sản xuất, đảm bảo đầy đủ nguyên liệu phục vụ cho sản xuất liên tục.

- Thực hiện tốt công tác nghiệm thu vật tư, nguyên vật liệu đầu vào có báo cáo đánh giá từng đợt nhập kho cụ thể

5.2- Hoạt động sửa chữa bảo dưỡng nhà cửa, máy móc thiết bị:

- Các phòng ban phân xưởng phối hợp thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng các thiết bị

đúng theo kế hoạch.

- Kiểm tra, đánh giá có kế hoạch bảo dưỡng dự phòng sau duy tu nhằm đảm bảo hiệu suất hoạt động của thiết bị, giảm tỷ lệ phế liệu phế phẩm do dừng máy hoặc lỗi sản phẩm do thiết bị.

5.3-Hoạt động ĐTX DCB và mua sắm máy móc thiết bị:

- Trên cơ sở báo cáo dự kiến đầu tư 2019, công tác thực hiện đầu tư đổi mới các thiết bị năng suất thấp, chất lượng xử dụng không ổn định cần phải khẩn trương thực hiện để tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng tốt yêu cầu sản phẩm cho khách hàng.

6. Công tác ISO&KCS

- Thực hiện quản lý sản xuất và kiểm soát có hiệu quả chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-14001 và FSSC22000 đảm bảo chất lượng luôn giữ vững và ổn định đáp ứng tốt nhất yêu cầu chất lượng của khách hàng.

- Kiểm tra chặt việc thực hiện đúng các quy trình, hướng dẫn tại các cụm máy và các công đoạn sản xuất.

- Thực hiện kiểm tra bán thành phẩm, thành phẩm đúng ngay từ đầu theo bảng quy chuẩn đã được phê duyệt

7. Công tác tổ chức và công tác khác :

- Hợp HĐQT quý IV thông qua ngân sách năm 2019

- Tổng kết kiểm kê, hoàn tất quyết toán và kiểm toán 2018

- Sắp xếp nhân sự, kiện toàn Ban ISO và Ban chỉ đạo PCCN công ty.

- Xét công nhận sáng kiến cải tiến kỹ thuật và thi đua khen thưởng năm 2018.

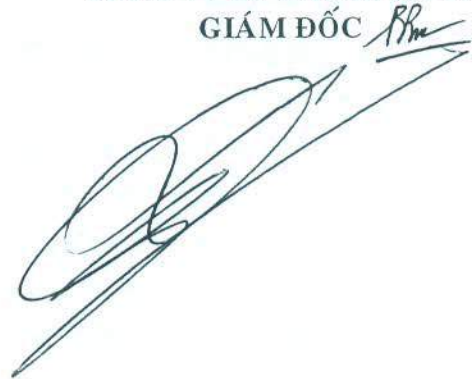
- Rà soát, bố trí lại lao động phù hợp tình hình SXKD tại các phòng ban, phân xưởng.

- Tham gia bảo hiểm tai nạn và sinh mạng năm 2019 cho CB-CNLĐ

- Bảo quản tốt kho tàng nhà xưởng và ANTT trong công ty.

- Công Đoàn và Đoàn thanh niên phát huy vai trò của tổ chức mình cùng ban lãnh đạo công ty động viên cán bộ công nhân viên toàn Công ty nỗ lực sáng tạo vượt khó, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
GIÁM ĐỐC





CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

KP kênh tám thước-TT Kiên Lương-H. Kiên Lương- Tỉnh Kiên Giang

TEL: 0297.3856947 – FAX: 0297.3853804

Số ..0.3.../BC-ĐT

Kiên lương, ngày 02 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

(Thực hiện đầu tư năm 2018 và dự kiến đầu tư 2019)

- Căn cứ: Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2018
- Căn cứ: Nghị quyết của HĐQT
- Căn cứ báo cáo đầu tư số 02/BC-ĐT ngày 05/01/2018 của công ty CP bao bì Hà Tiên

Trên cơ sở đó trong năm 2018, Công ty CP bao bì Hà Tiên đã tổ chức thực hiện công tác đầu tư và dự kiến đầu tư trong năm 2018 như sau:

I/-Thực hiện đầu tư năm 2018

STT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Số lượng	Giá trị thiết bị (Đồng)
1	Máy xếp sợi	Cái	01	556.000.000
2	Đầu tư đào tạo			148.000.000
Tổng cộng				704.000.000

II/-Dự kiến đầu tư trong năm 2019

Trên cơ sở thực tế thiết bị hiện tại và phương hướng của công ty, dự kiến trong năm 2019 các nội dung đầu tư của công ty cụ thể như sau:

STT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Số lượng	Giá trị thiết bị (Đồng)
1	Máy dệt tròn	Cái	01	1.900.000.000
2	Máy Khắc bản in cao su	“	01	100.000.000
3	Hệ thống camera			400.000.000
4	*Hệ thống báo cháy tự động và hệ thống ngăn cháy(Bao gồm cả thiết kế)			2.000.000.000
5	Đầu tư đào tạo			600.000.000
Tổng cộng				5.000.000.000

Kính trình hội đồng quản trị xem xét quyết định.

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
GIÁM ĐỐC

* Thực hiện theo nguồn lực tài chính của công ty

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU NGÂN SÁCH 2019

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	GIA TRỊ
I	SẢN LƯỢNG SX VÀ TIÊU THỤ QUI ĐỔI		27.210.710
	- Bao BoPP	cái	100.000
	- Bao PP (1 cái = 1,4 bao XM)	cái	3.400.000
	- Bao bigbag nội địa (1 cái = 32,26 bao XM)	cái	333.500
	- Bao bigbag xuất khẩu (1 cái = 32,26 bao XM)	cái	300.000
	- Phụ kiện bao bigbag (1 cái = 1,955 baoXM)	cái	800.000
	- Vải cuộn (1kg = 10 baoXM)	kg	35.000
II	KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH		
1	CHI PHÍ SẢN XUẤT TIÊU THỤ		108.708.117.337
	- Chi phí nguyên vật liệu	đồng	56.762.889.249
	- Chi phí tiền Lương	"	20.224.099.999
	+ Lương CT.HĐQT	"	210.000.000
	+ Lương Giám đốc	"	342.000.000
	+ Lương Phó Giám đốc (1 người)	"	425.000.000
	+ Lương Kế toán trưởng	"	276.000.000
	+ Lương theo sản phẩm	"	17.773.200.000
	+ Lương ngày nghỉ chế độ	"	1.197.900.000
	- Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	"	3.452.500.000
	- Chi phí ăn ca	"	1.840.000.000
	- Chi phí tiền điện	"	6.400.000.000
	- Chi phí tiền nước	"	90.000.000
	- Chi phí khấu hao	"	4.413.638.541
	- Chi phí sản xuất chung khác	"	6.033.000.000
	- Chi phí bán hàng	"	3.640.000.000
	- Chi phí quản lý	"	3.194.000.000
	- Chi phí tài chính	"	2.296.878.437
	<i>Trong đó : lãi vay</i>	"	<i>2.199.181.219</i>
	<i>lỗ tỷ giá</i>	"	<i>97.697.218</i>
	- Chi phí khác	"	361.111.111
	<i>Trong đó : thù lao HĐQT, BKS</i>		<i>361.111.111</i>
2	TỔNG DOANH THU		109.308.117.338
	- Doanh thu bán hàng	đồng	107.908.117.338
	- Doanh thu tài chính	"	1.400.000.000
	<i>Trong đó : cổ tức từ đầu tư vốn</i>	"	<i>1.400.000.000</i>
	- Thu nhập khác	"	-
3	LỢI NHUẬN		
	- Lợi nhuận trước thuế	đồng	600.000.000
	- Thuế TNDN 20% *	"	-
	- Lợi nhuận sau thuế	"	600.000.000

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU NGÂN SÁCH 2019

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	GIA TRI
III	DỰ TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
	- Lợi nhuận sau thuế	đồng	600.000.000
	- Lợi nhuận còn lại để phân phối		600.000.000
	+ Trích quỹ đầu tư phát triển 5%	"	30.000.000
	+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 15%	"	90.000.000
	+ Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	"	480.000.000
	(tỷ lệ cổ tức thực hiện)	%	1,20%
IV	DỰ TOÁN CHI TRẢ CỔ TỨC		
	- Cổ tức các năm trước chưa chia	đồng	979.908.031
	- Cổ tức thực hiện năm 2019	"	480.000.000
	- Tổng cộng chia cổ tức	"	1.459.908.031
	- Tỷ lệ cổ tức (%/năm)	%	3,6%

Thuyết minh:

Phần lãi tỷ giá trong DT tài chính được tính bù trừ vào phần lỗ tỷ giá trong CP tài chính



GIÁM ĐỐC

(Handwritten signature)

Nguyễn Hữu Đức

LẬP BIỂU

(Handwritten signature)

Văn Ngọc Lưu

Số: 079/2019/BCKT-CT.00070

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIỀN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2019, từ trang 4 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẶC NHA
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIẾN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.314.630.398	61.074.802.786
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.084.328.956	9.941.848.394
Tiền	111		3.084.328.956	9.941.848.394
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.179.757.365	24.998.300.626
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	20.795.430.358	24.541.682.603
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	102.562.058	167.025.401
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	517.163.151	524.990.824
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(235.398.202)	(235.398.202)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	31.120.056.194	24.586.773.516
Hàng tồn kho	141		31.351.546.738	24.958.270.385
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(231.490.544)	(371.496.869)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.930.487.883	1.547.880.250
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	695.309.944	638.809.853
Thuế GTGT được khấu trừ	152		996.467.313	909.070.397
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	238.710.626	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.019.909.278	45.119.725.415
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		36.142.038.369	39.491.844.537
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	36.010.815.253	39.357.618.601
Nguyên giá	222		146.479.606.518	146.409.733.512
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.468.791.265)	(107.052.114.911)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	131.223.116	134.225.936
Nguyên giá	228		197.046.189	197.046.189
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.823.073)	(62.820.253)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	495.225.067
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	495.225.067
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.605.200.000	3.605.200.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	3.605.200.000	3.605.200.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.272.670.909	1.527.455.811
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	1.167.333.089	1.450.398.216
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	105.337.820	77.057.595
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		98.334.539.676	106.194.528.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		50.444.665.431	56.756.629.216
Nợ ngắn hạn	310		48.185.251.431	51.194.078.216
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.072.526.407	7.625.755.213
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	122.683.970	97.020.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	-	19.928.649
Phải trả người lao động	314		3.869.840.390	3.536.826.326
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	317.387.389	1.045.546.451
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	39.520.418.618	37.985.009.971
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	282.394.657	883.991.006
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		2.259.414.000	5.562.551.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	2.259.414.000	5.562.551.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN


Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

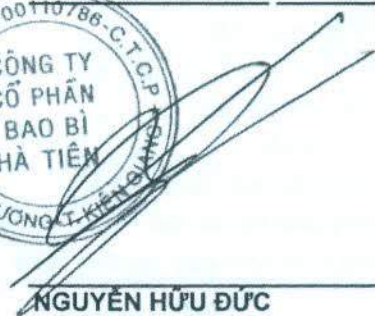
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã	Thuyết	31/12/2018	01/01/2018
	số	minh		
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.889.874.245	49.437.898.985
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	47.889.874.245	49.437.898.985
Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.997.962.737	6.785.434.949
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		887.912.805	2.648.465.333
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		887.912.805	2.648.465.333
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		98.334.539.676	106.194.528.201


QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu


QUÁCH VIỆT HÙNG
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc
Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	123.469.122.319	127.469.923.959
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		123.469.122.319	127.469.923.959
Giá vốn hàng bán	11	6.2	107.327.351.538	110.262.864.735
Lợi nhuận gộp	20		16.141.770.781	17.207.059.224
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.302.996.809	1.919.208.281
Chi phí tài chính	22	6.4	2.638.804.547	2.505.963.048
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.246.161.194	2.407.223.503
Chi phí bán hàng	25	6.5	4.767.683.883	4.068.163.598
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	10.011.299.160	9.264.650.481
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.026.980.000	3.287.490.378
Thu nhập khác	31	6.7	511.457.944	529.032.207
Chi phí khác	32	6.8	405.325.463	267.200.615
Lợi nhuận khác	40		106.132.481	261.831.592
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.133.112.481	3.549.321.970
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	51.501.700	463.258.893
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	(28.280.225)	(54.601.684)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.109.891.006	3.140.664.761
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	236	662

QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu

QUÁCH VIỆT HÙNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.133.112.481	3.549.321.970
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.490.773.142	4.139.322.888
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(140.006.325)	160.273.276
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(60.782.531)	8.187.727
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.767.479.571)	(1.683.739.805)
Chi phí lãi vay	06		2.246.161.194	2.407.223.503
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.901.778.390	8.580.589.559
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.406.507.973	1.235.287.800
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.393.276.353)	(156.621.588)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.135.151.678)	(1.346.942.660)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		226.565.036	(1.889.070.724)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.246.161.194)	(2.407.223.503)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(310.140.975)	(661.868.578)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(768.080.000)	(480.133.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.317.958.801)	2.874.017.306
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(724.522.360)	(9.425.596.845)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		120.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.726.260.024	1.683.739.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.121.737.664	(7.741.857.040)

TỈNH KIÊN GIANG

1107
NG
PH
JAO
IA T
SONG

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN


Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

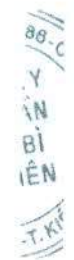
	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	95.366.211.976	93.970.614.609
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(97.013.357.445)	(81.645.286.740)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.012.000.000)	(800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.659.145.469)	11.525.327.869
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.855.366.606)	6.657.488.135
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.941.848.394	3.286.580.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.152.832)	(2.220.367)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	3.084.328.956	9.941.848.394


QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu


QUÁCH VIỆT HÙNG
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2019



PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2018

TT	NỘI DUNG	TỶ LỆ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN			
1	Lợi nhuận được phân phối			
	Lợi nhuận kế hoạch 2018		3.000.000.000	
	Lợi nhuận thực hiện 2018		1.109.891.006	
	Tổng lợi nhuận được phân phối		1.109.891.006	
2	Phân phối lợi nhuận		1.109.891.006	
	Trích 5% LN được phân phối vào quỹ ĐT&PT		55.494.550	
	Trích 15% LN thực hiện 2018 vào quỹ KT-PL		166.483.651	
	Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức	2,22%	887.912.805	
II	CỔ TỨC			
1	Nguồn chi trả			
	Cổ tức năm 2017 còn giữ lại	0,23%	91.995.226	
	Cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	2,22%	887.912.805	
	Tổng cộng	2,45%	979.908.031	
2	Chi trả cổ tức		-	
	Trả cổ tức cho cổ đông		-	

Do công ty hiện nay gặp nhiều khó khăn và mức cổ tức năm 2018 thực hiện thấp, đề nghị cho phép công ty giữ lại cổ tức năm 2018 để tăng cường vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD và sẽ chi trả chung với cổ tức của năm 2019

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
TM.HĐQT



Nguyễn Hữu Đức

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(nhiệm kỳ 2016-2018)**

Căn cứ Điều lệ công ty CP Bao Bì Hà tiên đã được ĐHCĐ thông qua ngày 28/04/2018; Căn cứ vào Chức năng, nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại điều lệ công ty; HĐQT công ty xin báo cáo ĐHCĐ quá trình thực thi chức năng, nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2018 và nhiệm kỳ như sau:

I. Báo cáo hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty hiện nay gồm 5 thành viên như sau:

Ông Nguyễn Văn Út	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên, Giám đốc công ty
Ông Phạm Văn Lợi	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên
Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên

Trong nhiệm kỳ đã miễn nhiệm 3 thành viên HĐQT và bầu 3 thành viên mới thay thế, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Lương – thay thế ông Cái Hồng Thu làm thành viên HĐQT công ty từ tháng 04/2018

- Ông Nguyễn Văn Út – thay thế ông Trần Văn Xuân làm thành viên HĐQT công ty từ tháng 04/2018

- Ông Phạm Văn Lợi – thay thế ông Phan Minh Hoàng làm thành viên HĐQT công ty từ tháng 01/2019

Trong nhiệm kỳ 2016-2018, HĐQT đảm bảo họp thường kỳ ít nhất 1 lần/Quý để đánh giá kết quả hoạt động của Công ty, định hướng hoạt động cho kỳ hoạt động tiếp theo đồng thời xem xét, phê duyệt các chủ trương của công ty đề xuất nhằm ổn định và phát triển hoạt động SXKD của Công ty. Các thành viên tham dự các cuộc họp như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Út	Chủ tịch Thành viên	1/1 3/3	100% 100%	
2	Ông Phan Minh Hoàng	Chủ tịch	13/13	100%	
3	Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên	14/14	100%	
4	Ông Trần Văn Xuân	Thành viên	10/10	100%	
5	Ông Cái Hồng Thu	Thành viên	8/10	80%	Bận công việc ở đơn vị chủ quản

6	Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên	4/4	100%	
7	Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên	14/14	100%	
8	Ông Phạm Văn Lợi	Thành viên	1/1	100%	

Hội đồng quản trị đã ra 15 Nghị quyết để Công ty thực hiện, các nghị quyết cụ thể như sau:

Stt	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	17 /NQ-HĐQT	18/01/2016	Thông qua báo cáo tổng kết năm 2015, báo cáo tài chính, chỉ tiêu kế hoạch 2016, dự kiến tổ chức ĐHCĐ, việc đăng ký giao dịch cổ phiếu sàn UPCOM
2	18 /NQ-HĐQT (LC)	24/03/2016	Về việc hoãn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên 2016
3	19 /NQ-HĐQT	03/06/2016	Thông qua báo cáo quý 1, báo cáo tài chính quý 1, kế hoạch hoạt động quý 2, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2016
4	20 /NQ-HĐQT	26/08/2016	Thông qua báo cáo quý 2, báo cáo tài chính quý 2, kế hoạch hoạt động quý 3; thông qua chủ trương đầu tư thiết bị, chủ trương triển khai thực hiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn FSSC 22000
5	21 /NQ-HĐQT	24/10/2016	Thông qua báo cáo quý 3, báo cáo tài chính quý 3, kế hoạch hoạt động quý 4 và định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch 2017; thông qua phương án đầu tư thiết bị
6	22 /NQ-HĐQT	20/01/2017	Thông qua báo cáo tổng kết năm 2016, báo cáo tài chính, chỉ tiêu kế hoạch 2017, dự kiến tổ chức ĐHCĐ
7	23 /NQ-HĐQT	17/04/2017	Thông qua báo cáo quý 1, báo cáo tài chính quý 1, kế hoạch hoạt động quý 2, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2017
8	24 /NQ-HĐQT	27/08/2017	Thông qua báo cáo quý 2, báo cáo tài chính quý 2, kế hoạch hoạt động quý 3; thông qua một số nhiệm vụ trọng tâm quý 3
9	25 /NQ-HĐQT	23/10/2017	Thông qua báo cáo quý 3, báo cáo tài chính quý 3, kế hoạch hoạt động quý 4 và một số nhiệm vụ trọng tâm quý 4
10	26 /NQ-HĐQT	08/02/2018	Thông qua báo cáo tổng kết năm 2017, báo cáo tài chính, chỉ tiêu kế hoạch 2018
11	27 /NQ-HĐQT	12/04/2018	Thông qua báo cáo quý 1, báo cáo tài chính quý 1, kế hoạch hoạt động quý 2, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2018

12	28 /NQ-HĐQT	31/07/2018	Thông qua báo cáo quý 2, báo cáo tài chính quý 2, kế hoạch hoạt động quý 3; thông qua một số nhiệm vụ trọng tâm quý 3
13	29 /NQ-HĐQT	02/11/2018	Thông qua báo cáo quý 3, báo cáo tài chính quý 3, kế hoạch hoạt động quý 4, thông qua vấn đề nhân sự và một số nhiệm vụ trọng tâm quý 4
14	30 /NQ-HĐQT	31/12/2018	Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng, cử người đại diện vốn và dự kiến thời gian tổ chức ĐHCĐ 2019
15	31 /NQ-HĐQT	19/01/2019	Thông qua một số vấn đề về tiền lương, quyết toán tài chính 2018; định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

Nhiệm kỳ 2016-2018 HĐQT cũng đã trình ĐHCĐ chỉnh sửa Điều lệ công ty và ban hành Quy chế quản trị mới để phù hợp với các quy định hiện hành.

II. Báo cáo giám sát hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ

1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

*** Thuận lợi**

- Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn nên tái tạo được nguồn ngoại tệ, đảm bảo đủ nhu cầu để nhập khẩu nguyên liệu; lãi suất vay ngân hàng ổn định và công ty đã tiếp cận được nhiều gói vay với lãi suất thấp.

- Công ty có nhiều khách hàng lớn, nhiều đầu mối tiêu thụ nên đầu ra tương đối ổn định. Chất lượng, mẫu mã sản phẩm của công ty đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

- Công tác đào tạo nhân lực được chú trọng; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất được công ty trân trọng và khen thưởng kịp thời nên đã pháp huy được tinh thần sáng tạo của CB-CNV, đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

*** Khó khăn**

- Các chi phí đầu vào lương cơ bản, BHXH, giá xăng dầu,... tăng dần qua các năng tác động lớn đến hoạt động của công ty

- Cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng gay gắt: thị trường trong nước xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh có tiềm lực mạnh, thị trường ngoài nước thì gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt về giá từ các nhà cung cấp Ấn Độ

- Cơ cấu sản phẩm thay đổi đáng kể dẫn đến công ty khai thác chưa hết nguồn lực thiết bị. Xuất khẩu vào thị trường Tây Ban Nha gặp trở ngại về giá do sự cạnh tranh của các đối thủ từ Ấn Độ

- Vốn vay ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn nên chi phí tài chính phát sinh lớn, bên cạnh đó công ty vay vốn để đầu tư thiết bị nên

cũng làm tăng chi phí tài chính.

- Một số thiết bị hết khấu hao chưa kịp thay mới nên chi phí bảo trì sửa chữa tăng cao, năng suất đạt được không cao, tỷ lệ phế liệu phế phẩm lớn.

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm còn sai sót, khách hàng còn than phiền. Thực hiện định mức sản xuất và định lượng sản phẩm chưa tốt, phế liệu phế phẩm cao làm tăng chi phí sản xuất. Các biện pháp quản lý trong năm chưa hiệu quả

- Xu thế hoạt động của công ty ngày càng giảm sút, ẩn chứa nhiều rủi ro suy thoái, vì vậy, cần phải có sự cải tổ và thiết lập hệ thống quản trị công ty

*** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trong nhiệm kỳ**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Tổng cộng			Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	
1	Sản lượng	1000 cái	30.211	30.994	102,6%	30.952	33.808	109,2%	32.462	32.249	99,3%	93.625	97.051	103,7%	
2	Doanh thu	tr.đ	113.258	123.151	108,7%	131.812	129.918	98,6%	137.570	126.283	91,8%	382.640	379.352	99,1%	
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	1.861	4.090	219,8%	3.000	3.140	104,7%	3.000	1.109	37,0%	7.861	8.339	106,1%	
4	Tỷ lệ cổ tức chi trả	%	0,3%	2,0%	666,7%	6,0%	7,5%	125,5%	6,0%	2,2%	37,0%	12,1%	11,9%	97,9%	

2. Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh ĐHCĐ giao:
 - + Năm 2016 công ty thực hiện đạt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ đề ra về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức.
 - + Năm 2017 tuy chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt xấp xỉ kế hoạch nhưng các chỉ tiêu về sản lượng, lợi nhuận và cổ tức đều thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra.
 - + Năm 2018 do gặp nhiều khó khăn về đầu ra sản phẩm, công ty thực hiện các chỉ tiêu không đạt, sản lượng đạt xấp xỉ kế hoạch nhưng doanh thu, lợi nhuận không đạt kế hoạch
 - + Tính chung cả nhiệm kỳ sản lượng đạt 107,3% kế hoạch; doanh thu đạt 99,1% kế hoạch; lợi nhuận đạt 106,1% kế hoạch; tỷ lệ cổ tức thực hiện đạt 97,9% kế hoạch
- Về đầu tư mua sắm tài sản: công ty đã triển khai đầu tư mua sắm theo chủ trương đã được phê duyệt, trong đó đã đầu tư mua sắm tài sản cố định trong nhiệm kỳ là 10,98 tỷ đồng
- Các vấn đề khác công ty cũng đã thực hiện đúng theo tinh thần của nghị quyết đề ra

3. Đánh giá giám sát đối với Ban Giám đốc và cán bộ quản lý.

Ban Giám đốc công ty hiện có 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, 1 thành viên mới bổ nhiệm tháng 11/2018. Nhiệm kỳ qua, Ban Giám đốc công ty với sự giúp sức của các cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động của công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai đúng theo tinh thần nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn mà Hội đồng quản trị đã giao và quy chế hoạt động của công ty.

II. Những định hướng hoạt động cho nhiệm kỳ tiếp theo.

1. Dự báo tình hình:

- Giá nguyên liệu PP tăng theo giá dầu thô, diễn biến khó lường và sẽ cầm cự ở mức cao, trong đó thuế nhập khẩu PP sẽ ở mức 2-3%
- Chi phí đầu vào tiếp tục tăng do giá điện, chi phí nhân công, chi phí làm hàng xuất nhập khẩu,... tiếp tục tăng trong khi đó giá bán đầu ra lại tăng thấp hơn so với mức độ tăng chi phí
- Cạnh tranh mua bán trong và ngoài nước ngày càng gay gắt, áp lực giảm giá bán sản phẩm lớn; mặt khác khách mua hàng yêu cầu chất lượng ngày càng cao và phải đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm.
- Sản lượng bao bigbag nếu không cải thiện về giá bán sẽ rất khó cạnh tranh với các đối thủ, bao PP nhỏ không phải là thế mạnh của công ty nhưng cần duy trì để cải thiện sản lượng và tạo công ăn việc làm cho người lao động; bên cạnh đó cần theo dõi sát diễn biến vụ kiện chống bán phá giá bao bì PP vào thị trường Mỹ để có những ứng phó phù hợp

2. Định hướng hoạt động:

- Đẩy mạnh công tác thị trường, gia tăng thị phần bao bigbag. Cơ cấu sản phẩm lấy bao bigbag làm chủ lực.
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện, thiết lập hệ thống quản trị, kiểm soát quá trình hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty; thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, kiểm soát định mức tiêu hao, kiểm soát phế liệu phế phẩm, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động để có được giá chào bán tương đương các đối thủ trong nước và quốc tế giành được số lượng đơn hàng cần thiết để tiếp tục củng cố và phát triển công ty trong thời gian tới.
- Chú trọng đến đời sống của người lao động, tạo điều kiện để người lao động nâng cao thu nhập, giải quyết hài hoà lợi ích của người lao động và cổ đông.
- Thực hiện cập nhật, đổi mới công nghệ tiên tiến, trang bị phù hợp với nhu cầu của công ty.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng các chương trình đào tạo liên tục, đào tạo lại, cập nhật bồi dưỡng kiến thức.
- Tăng cường công tác tổ chức, hợp lý hoá sản xuất, công tác thị trường; cải tiến nâng cao công tác quản lý của công ty.
- Nâng cấp và đưa ISO 9001, 14001 và FSSC 22000 đi vào chiều sâu

Trong quá trình hoạt động của công ty, HĐQT sẽ đánh giá tình hình và những điều chỉnh trong chính sách vĩ mô của nhà nước để có những quyết sách kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Kiên Lương, ngày tháng 03 năm 2019

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út

Kiên Giang, ngày 07 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

*(Về công tác kiểm tra giám sát hoạt động
Công ty CP Bao Bì Hà Tiên năm 2018)*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty CP Bao Bì Hà Tiên.
- Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của ban kiểm soát, được quy định trong Điều lệ.
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty CP Bao Bì Hà Tiên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt nam;

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông về kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động năm 2018 Công ty CP Bao Bì Hà Tiên như sau:

I- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :

Nội dung kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong năm tài chính bao gồm các mặt hoạt động như sau:

- Giám sát thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban giám đốc (BGĐ).
- Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết đại hội cổ đông, nghị quyết HĐQT;
- Tham gia ý kiến với HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty với HĐQT.
- Xem xét báo cáo tài chính năm 2018.
- Xem xét báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và báo cáo của giám đốc trình đại hội cổ đông.

II- KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT :

1. Việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính :

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán ngày 04/03/2019 bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Số liệu đã được Ban kiểm soát kiểm tra.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

2.1 Tình hình sản xuất và tiêu thụ:

- Sản lượng sản xuất bao các loại (quy đổi): 32.068.808 cái /32.462.000 cái đạt 98,8 % Kế hoạch năm 2018 và bằng 94,9% so với năm 2017

- Sản lượng tiêu thụ bao các loại (quy đổi): 32.249.028 cái/ 32.462.000 cái đạt 99,3 % Kế hoạch.năm 2018 và bằng 96,0% so với năm 2017

2.2 Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	123.469.122.319
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-
3 Doanh thu thuần	10	123.469.122.319
4 Giá vốn hàng bán	11	107327351538
5 Lợi nhuận gộp	20	16.141.770.781
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.302.996.809
7 Chi phí tài chính	22	2.638.804.547
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>	<i>2.246.161.194</i>
8 Chi phí bán hàng	24	4.767.683.883
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.011.299.160
10 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	1.026.980.000
11 Thu nhập khác	31	511.457.944
12 Chi phí khác	32	405.325.463
13 Lợi nhuận khác	40	106.132.481
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.133.112.481
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	51.501.700
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(28.280.225)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.109.891.006
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	236

- **Phân phối lợi nhuận sau thuế:**

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 được trình thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể như sau:

+Lợi nhuận sau thuế năm 2018:	1.109.891.006 đồng
+ Trích lập các quỹ:	221.978.201 đồng
*Trích quỹ Đầu tư phát triển 5%	55.494.550 đồng
*Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 15%	166.483.651 đồng
+Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	887.912.805 đồng
+Tỷ lệ cổ tức năm 2018	2,22%
+Lợi nhuận giữ lại của năm trước	91 995 226 đồng
+Tổng lợi nhuận chưa chia cổ tức đến 31/12/2018	979.908.031 đồng
+Tỷ lệ cổ tức chưa chia đến 31/12/2018	2,45%

3. Tình hình tài chính :

3.1 Báo cáo tóm tắt tài chính tại ngày 31/12/2018:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	%
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	57.314.630.398	61.074.802.786	93,8%
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.084.328.956	9.941.848.394	
Các khoản phải thu	130	21.179.757.365	4.998.300.926	
Hàng tồn kho	140	31.120.056.194	24.586.773.516	
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.930.487.883	1.547.880.250	
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	41.019.909.278	45.119.725.415	90,9%
Tài sản cố định	220	36.142.038.369	39.491.844.537	
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	495.225.067	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	3.605.200.000	3.605.200.000	
Tài sản dài hạn khác	260	1.272.670.909	1.527.455.811	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	98.334.539.676	106.194.528.201	92,6%
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300	50.444.665.431	56.756.629.216	88,9%
Nợ ngắn hạn	310	48.185.251.431	51.194.078.216	
Nợ dài hạn	330	2.259.414.000	5.562.551.000	
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	47.889.874.245	49.437.898.985	96,9%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	40.000.000.000	40.000.000.000	
Thặng dư cổ phần	412	3.998.703	3.998.703	
Quỹ đầu tư phát triển	418	6.997.962.737	6.785.434.949	
Lợi nhuận chưa phân phối	421	887.912.805	2.648.465.333	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	98.334.539.676	106.194.528.201	92,6%

4. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản :

Chỉ tiêu	Đvt	Số liệu
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	lần	1,19
Khả năng thanh toán nhanh (Tiền+phải thu+đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,54

Tỷ số nợ		
Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,05
Tỷ số nợ/vốn điều lệ	lần	1,26
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,1
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,9
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,3

- Khả năng thanh toán ngắn hạn là $1,19 > 1$ cho thấy Công ty có khả năng đảm bảo thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn. Tuy nhiên Khả năng thanh toán nhanh chỉ đạt $0,54 < 1$, cho thấy Công ty không đủ các tài sản ngắn hạn để trả cho các khoản nợ ngắn hạn khi không bán được hàng tồn kho.

- Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu là 1,05 lần, cho thấy tài sản của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi các nguồn nợ phải trả.

- Các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản : 1,1%; lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: 0,9%; lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 2,3% cho thấy Công ty kinh doanh có hiệu quả nhưng chưa cao.

5. Tình hình công nợ :

- Công nợ phải thu : số dư nợ phải thu đến ngày 31/12/2018 là 21 tỷ đồng, chiếm 21,5% / tổng tài sản.

- Công nợ phải trả tại ngày 31/12/2018 là 50,4 tỷ đồng, tỷ lệ nợ / vốn điều lệ là 1,26 lần.

6. Tình hình thực hiện nghị quyết đại hội cổ đông năm 2018:

- Về phương án sản xuất kinh doanh :

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện các chỉ tiêu chính theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đ.v.t	Nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	Tr.đ	137.571	126.283	91,8%
2	Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	2,50	3,39	135,7%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.000	1.109	37,0%
4	Tỷ lệ Cổ tức/VĐL	%	6,0%	2,2%	36,7%
5	Tiền lương Ban điều hành	Tr.đ	1.396	1.117	80%
6	Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký	Tr.đ	333	333	100%

- Về phương án đầu tư máy móc thiết bị:

Đvt: đồng

TT	Nội dung đầu tư	Đ.v.t, SL	Nghị quyết	Thực hiện	Ghi chú
1	Bộ xếp chỉ máy tạo sợi		700.000.000	556.250.000	
2	Máy khắc bản in cao su	1 cái	100.000.000	Chưa thực hiện	
3	Hệ thống camera	HT	400.000.000	Chưa thực hiện	
4	Hệ thống báo cháy tự động và hệ thống ngăn cháy *	HT	2.000.000.000	Chưa thực hiện	
	Cộng		3.250.000.000	556.250.000	

Các hạng mục đầu tư, tùy tình hình thực tế, một số hạng mục chưa thực hiện do chưa cấp bách và do phải sử dụng vốn vay hoặc tổng mức đầu tư quá lớn so với khả năng trả nợ của công ty nên chưa thực hiện

7. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã cố gắng thực hiện trách nhiệm của mình trên cương vị được giao, triển khai thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, Trong năm hội đồng quản trị đã họp 5 lần và đã ra Nghị quyết để ban điều hành thực hiện.

1. Về trình tự thủ tục đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thời gian tổ chức họp của HĐQT vào giữa mỗi quý, tháng sau để nắm tình hình hoạt động SXKD và đề ra Nghị quyết để Ban giám đốc điều hành thực hiện cho quý, tháng tiếp theo.

2. Nội dung các cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận có sự bàn bạc dân chủ, nhưng chưa có sự thống nhất cao trong hội đồng. Đề nghị trong các cuộc họp HĐQT cần hoạch rõ các vấn đề và có sự nhất quán trong nghị quyết để tạo điều kiện cho Ban kiểm soát và ban giám đốc điều hành giám sát và thực thi các nghị quyết dễ dàng hơn.

3. Kết quả là đa số các nội dung trong Nghị quyết đều được thực hiện, tuy nhiên còn một số nội dung của Nghị quyết thực hiện chưa đạt: Như phương án đầu tư, xử lý phế liệu hàng tồn kho. Đề nghị HĐQT chấn chỉnh các chức danh quản lý tài chính trong nội bộ đơn vị cho hợp lý và đúng quy định kế toán hiện hành.

8. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc:

Ban Giám đốc đã điều hành chưa đạt kế hoạch SXKD được Đại hội cổ đông thông qua về doanh thu, sản lượng, lợi nhuận và cổ tức.

- Hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT; nhưng chưa đạt hiệu quả cao về chỉ tiêu lợi nhuận.

- Đã thực hiện xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch tiền lương phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của Công ty và thông qua HĐQT phê duyệt để thực hiện.

9. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý:

Nhìn chung trong năm 2018, BKS đã được HĐQT, ban giám đốc và các phòng ban trong công ty tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ. BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2018.

III- KIẾN NGHỊ CỦA BKS:

- Cần có biện pháp tốt để làm giảm lượng phế liệu, phế phẩm, tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Hàng tồn kho tương đối lớn, mặc dù công ty chủ động sản xuất trước các sản phẩm dở dang cho các đơn hàng cho các đơn hàng thường xuyên nhưng cần tính toán mức độ dự trữ hợp lý để tối ưu vốn hoạt động và giảm lãi vay ngân hàng.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ nhằm đảm bảo về tài chính cho hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm soát tình hình SXKD và thực hiện Nghị quyết của HĐQT năm 2018 của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Mã Hồng Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

Quốc lộ 80 – TT Kiên Lương – H. Kiên Lương – T. Kiên Giang

TEL : 0297.3750439 – FAX : 0297.3853804

BÁO CÁO THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG CỦA HĐQT, BKS NĂM 2018 VÀ ĐỀ NGHỊ MỨC THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG NĂM 2019

I. Báo cáo chi tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2018

Căn cứ vào mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong năm, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty đã được chi như sau:

CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG	TL/THÙ LAO 1 THÁNG	TỔNG MỨC TL/THÙ LAO	GHI CHÚ
1. HĐQT				
Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	1 người	32,4 tr.đ/tháng	388,8 tr.đồng	tiền lương chuyên trách
Thành viên HĐQT- GD	1 người			k.hưởng thù lao
Thành viên HĐQT	3 người	4,0 tr.đ/tháng	144 tr.đồng	tiền thù lao
Người phụ trách quản trị	1 người	3,0 tr.đ/tháng	36 tr.đồng	tiền thù lao
Cộng			568,8 tr.đồng	
2. Ban kiểm soát				
Trưởng BKS	1 người	4,0 tr.đ/tháng	48 tr.đồng	tiền thù lao
Thành viên BKS	2 người	3,0 tr.đ/tháng	72 tr.đồng	tiền thù lao
Cộng			120 tr.đồng	
Tổng cộng			688,8 tr.đồng	

Ghi chú: Mức thù lao trên (trừ tiền lương chuyên trách) là thu nhập thực nhận đã trừ thuế TNCN 10%

II. Đề nghị mức tiền lương, thù lao năm 2019

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng tài chính của công ty, đề nghị Đại hội cổ đông xem xét thông qua mức tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS như sau:

CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG	TL/THÙ LAO 1 THÁNG	TỔNG MỨC TL/THÙ LAO	GHI CHÚ
1. Hội đồng quản trị				
Chủ tịch HĐQT (không chuyên trách)	1 người	5,0 tr.đ/tháng	60 tr.đồng	tiền thù lao, 5 tháng
Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	1 người	30,0 tr.đ/tháng	210 tr.đồng	Tiền lương, 7 tháng
Thành viên HĐQT- GD	1 người			k.hưởng thù lao
Thành viên HĐQT	3 người	4,0 tr.đ/tháng	144 tr.đồng	tiền thù lao
Người phụ trách quản trị	1 người	3,0 tr.đ/tháng	36 tr.đồng	tiền thù lao
Cộng			415 tr.đồng	
2. Ban kiểm soát				
Trưởng BKS	1 người	4,0 tr.đ/tháng	48 tr.đồng	tiền thù lao
Thành viên BKS	2 người	3,0 tr.đ/tháng	72 tr.đồng	tiền thù lao
Cộng			120 tr.đồng	
Tổng cộng			535 tr.đồng	

Ghi chú: - Mức thù lao trên (trừ tiền lương chuyên trách) là thu nhập thực nhận đã trừ thuế TNCN 10%

Mức tiền lương, thù lao trên được áp dụng kể từ ngày 01/01/2019, kính trình Đại hội cổ đông xem xét.

Kiên Lương, ngày 11 tháng 05 năm 2019

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
TM.HĐQT



Nguyễn Hữu Đức



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

Quốc lộ 80 – TT Kiên Lương – H. Kiên Lương – T. Kiên Giang

TEL : 0297.3750439 – FAX : 0297.3853804

Kiên Lương, ngày 04 tháng 03 năm 2019

ĐỀ NGHỊ

(V/v chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019)

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty CP Bao Bì Hà Tiên

Theo Điều lệ Công ty, việc lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC phải được ĐHCĐ thường niên thông qua, trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát công ty. Vì vậy, Ban kiểm soát công ty, xin đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

Năm 2018 công ty đã chọn **Công ty TNHH Kiểm toán AFC VN – Chi nhánh Cần Thơ** Đc: *Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ* để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018, mức phí kiểm toán là **40 triệu đồng** chưa bao gồm VAT.

Qua thực hiện công tác kiểm toán, chúng tôi đánh giá đơn vị đã thực hiện tốt công tác kiểm toán. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, đơn vị đã có một số đề xuất quan trọng góp phần giúp công ty quản lý tốt rủi ro, trong năm cũng thường xuyên thông tin cho công ty về những chính sách mới ban hành để cập nhật kịp thời.

Theo đề nghị của công ty, **Công ty TNHH Kiểm toán AFC VN – Chi nhánh Cần Thơ** đã báo giá thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019 là **40 triệu đồng**, chưa bao gồm VAT (bằng với giá kiểm toán năm 2018).

Xét đây là đơn vị có năng lực và mức giá kiểm toán cũng hợp lý, kính trình ĐHCĐ tiếp tục lựa chọn **Công ty TNHH Kiểm toán AFC VN – Chi nhánh Cần Thơ** để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019 của công ty với mức giá thực hiện như trên.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét.

Trân trọng kính trình.

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
TM.BAN KIỂM SOÁT



THÔNG BÁO

(V/v: ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2021)

Kính gửi : QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh Nghiệp của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 64/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2016;
- Căn cứ Căn cứ Luật Chung khoán của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006; luật sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12;
- Căn cứ Điều lệ công ty CP Bao Bì Hà Tiên đã được ĐHCĐ thông qua

HĐQT công ty trân trọng thông báo

Ngày 28/05/2019, công ty CP Bao Bì Hà Tiên tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019, Đại hội sẽ tiến hành bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới (2019-2021). Việc tham gia ứng cử đề cử thành viên HĐQT và BKS được thực hiện như sau:

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1. Số lượng thành viên HĐQT : 5 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT : 3 năm.
3. Tiêu chuẩn ứng cử viên :

Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Giám đốc và người quản lý khác của Công ty

4. Việc đề cử người ứng cử vị trí thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng thành viên BKS : 3 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của BKS : 3 năm.

3. Tiêu chuẩn ứng cử viên :

Ứng cử viên tham gia BKS phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ và năng lực kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

Và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó

4. Việc đề cử người ứng cử vị trí thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên

III. THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS :

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT/BKS bao gồm :

- Đơn đề cử (ứng cử) thành viên HĐQT, BKS (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

Nếu Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện nêu trên nếu ứng cử hoặc có yêu cầu đề cử người vào HĐQT, BKS, vui lòng gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử (theo mẫu đính kèm) đến Công ty CP Bao Bì Hà Tiên trước ngày 24/05/2019 theo địa chỉ:

Công ty CP Bao Bì Hà Tiên

Đc: Quốc lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0297.3854236

Fax: 0297.3853804

HĐQT sẽ tổng hợp danh sách những người ứng cử, đề cử có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để bầu cử làm Thành viên HĐQT, BKS cho nhiệm kỳ mới

HĐQT Công ty CP Bao Bì Hà Tiên xin trân trọng thông báo.

Kiên Lương, ngày 14 tháng 05 năm 2019

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
TM. HĐQT



[Handwritten signature]
Nguyễn Hữu Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

* * * * *

....., ngày tháng năm 2019

ĐƠN ỨNG CỬ
VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CTY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

- Tên Cổ đông:
- Số CMND/GPĐKKD Cấp ngày: Tại:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Tổng số cổ phiếu sở hữu :
- Bằng số: (Bằng chữ :)
- Chiếm: % vốn điều lệ của HAKIPACK.

Sau khi nghiên cứu Quy định về việc tham gia ứng cử vào HĐQT/ BKS trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, chúng tôi hoàn toàn đáp ứng được các điều kiện nêu tại quy định và do đó có quyền ứng cử tham gia vào HĐQT/ BKS của Công ty.

- Tôi tham gia ứng cử vào: Công ty HAKIPACK.

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của người ứng cử theo đơn này.

Trân trọng,

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

* * * * *

....., ngày tháng năm 2019

ĐƠN ĐỀ CỬ
VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CTY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

- Tên người đại diện vốn :
- Tên cổ đông (tổ chức) :
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax :
- Tổng số cổ phần sở hữu :
- Bằng số: cổ phần.
- Bằng chữ :
- Chiếm : % vốn điều lệ của HAKIPACK.

Sau khi nghiên cứu Quy định về việc tham gia ứng cử vào HĐQT/ BKS trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, chúng tôi hoàn toàn đáp ứng được các điều kiện nêu tại quy định và do đó có quyền ứng cử tham gia vào HĐQT/ BKS của Công ty.

- Chúng tôi đề cử Ông : tham gia ứng cử vào:
Công ty cổ phần bao bì Hà Tiên .

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của người ứng cử theo đơn này.

Trân trọng,

NGƯỜI ĐỀ CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

* * * * *

....., ngày tháng năm 2019

ĐƠN ĐỀ CỬ
VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CTY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

- Chúng tôi là nhóm cổ đông :

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

- Tổng số cổ phần sở hữu :

Bằng số: (Bằng chữ :))

Chiếm: % vốn điều lệ của HAKIPACK.

Sau khi nghiên cứu Quy định về việc tham gia ứng cử vào HĐQT/ BKS trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, chúng tôi hoàn toàn đáp ứng được các điều kiện nêu tại quy định và do đó có quyền ứng cử tham gia vào HĐQT/ BKS của Công ty.

- Chúng tôi đề cử Ông(bà) : tham gia ứng cử vào:

..... Công ty cổ phần bao bì Hà Tiên.

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của người ứng cử theo đơn này.

Trân trọng,

ĐD NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT CTY HAKIPACK

1. Họ và tên: Giới tính:

2. Sinh ngày: tháng Năm Quốc tịch:

3. CMND (Hộ chiếu) số: Cấp ngày: Tại:

4. Địa chỉ thường trú:

5. Địa chỉ liên lạc:

6. Điện thoại: Fax:

7. Trình độ học vấn: Trình độ chuyên môn:

8. Tóm tắt quá trình công tác:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

9. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác:

.....
.....
.....

10. Số lượng cổ phiếu sở hữu/đại diện: cổ phần.

11. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có):

.....
12. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có):.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật và bản thân hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ được đề cử vào HĐQT/ BKS của Công ty CP Bao Bì Hà Tiên theo Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào HĐQT/BKS, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

....., ngày tháng năm 2019

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Số : / NQ-ĐHCD
(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Đại hội khai mạc lúc ... giờ ... phút ngày 28 tháng 05 năm 2019 tại Hội trường Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên. Địa chỉ: Quốc lộ 80, khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi đã thông qua các nội dung của Đại hội và qua thảo luận đóng góp ý kiến, Đại hội quyết nghị những vấn đề sau:

NỘI DUNG

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; thống nhất một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 của công ty như sau:

+ Sản lượng sản xuất tiêu thụ (quy đổi): 27.210.710 vỏ bao

+ Doanh thu : 109,3 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế : 600 triệu đồng

+ Tỷ lệ cổ tức: 3,6% (bao gồm cổ tức các năm trước giữ lại chưa trả)

Đại hội biểu quyết thông qua với ý kiến đồng ý là cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần biểu quyết có mặt tại cuộc họp

2. Thông qua báo cáo thực hiện đầu tư năm 2018 và kế hoạch đầu tư năm 2019

Thống nhất với chủ trương đầu tư máy móc thiết bị năm 2019 theo kế hoạch đầu tư của công ty. Ủy quyền cho HĐQT công ty quyết định việc thực hiện.

Đại hội biểu quyết thông qua với ý kiến đồng ý là cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần biểu quyết có mặt tại cuộc họp

3. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018; thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2018 và mức trả cổ tức như sau:

Về phân phối lợi nhuận:

* Nguồn lợi nhuận phân phối

Lợi nhuận sau thuế năm 2018: 1.109.891.006 đồng

Lợi nhuận được phân phối: 1.109.891.006 đồng

* Phân phối lợi nhuận:

- Trích 5% LN được phân phối vào quỹ ĐT&PT: 55.494.550 đồng

- Trích 15% LN thực hiện vào quỹ KT-PL: 166.483.651 đồng

- Lợi nhuận để trả cổ tức cho cổ đông: 887.912.805 đồng

(tỷ lệ cổ tức 2,2%)

Tổng cộng

1.109.891.006 đồng

Về chi trả cổ tức:

* Nguồn chi trả:

- Cổ tức các năm trước còn giữ lại (0,2%):	91.995.226	đồng
- Cổ tức thực hiện năm 2018 (2,2 %):	887.912.805	đồng
Tổng cộng (2,4%)	979.908.031	đồng

* Chi trả cổ tức cho cổ đông:

Thống nhất cho công ty giữ lại cổ tức năm 2018 để hỗ trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty sẽ cộng dồn và chi trả chung với cổ tức năm 2019

Đại hội biểu quyết thông qua với ý kiến đồng ý là cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần biểu quyết có mặt tại cuộc họp

4. Thông qua báo cáo của HĐQT năm 2018 về báo cáo hoạt động của HĐQT, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, giám sát Ban Giám đốc và tình hình thực hiện nghị quyết ĐHCĐ năm 2018.

Đại hội biểu quyết thông qua với ý kiến đồng ý là cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần biểu quyết có mặt tại cuộc họp

5. Thông qua báo của Ban kiểm soát năm 2018 về việc báo cáo kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh và thực hiện nghị quyết ĐHCĐ, nghị quyết HĐQT năm 2018.

Đại hội biểu quyết thông qua với ý kiến đồng ý là cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần biểu quyết có mặt tại cuộc họp

6. Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao cho HĐQT và BKS năm 2018 và thống nhất mức tiền lương, thù lao năm 2019 cho HĐQT và BKS như báo cáo.

Đại hội biểu quyết thông qua với ý kiến đồng ý là cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần biểu quyết có mặt tại cuộc họp

7. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Đại hội biểu quyết thông qua với ý kiến đồng ý là cổ phần, chiếm tỷ lệ % số cổ phần biểu quyết có mặt tại cuộc họp

8. Thống nhất kết quả bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019 – 2021 và các chức danh đã được đề cử

Hội đồng quản trị:

1.	Chủ tịch HĐQT
2.	Thành viên
3.	Thành viên
4.	Thành viên
5.	Thành viên

Giám đốc điều hành:

..... Giám đốc điều hành

Ban kiểm soát:

1.
2.
3.

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Nghị quyết này được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 28/05/2019. Các cổ đông dự họp thống nhất với nội dung nghị quyết và không có ý kiến nào khác

**TM.ĐẠI HỘI
CHỦ TỌA**